

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CAI LẬY
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2023/DS-ST
Ngày: 04-4-2023
V/v tranh chấp hợp đồng góp hội

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Công Vĩnh Đức.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bạch.
2. Bà Nguyễn Thị Kim Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Tiểu Thơ, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang.

Trong ngày 04 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Cai Lay, tỉnh Tiền Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 638/2022/TLST-DS ngày 16/12/2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng góp hội”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 48/2023/QĐXXST-DS ngày 24 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà A, sinh năm 1957.

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà B, sinh năm 1983;

Địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Bà A có mặt tại phiên tòa. Bà B có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 21/11/2022, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà A trình bày:

Vào ngày 08/7/2017 (Ngày 15/6/2017 âm lịch), bà có tổ chức chơi 01 dây hội 3.000.000 đồng, mỗi tháng khai một lần, dây hội gồm có 31 phần, bà vừa làm chủ hội, vừa tham gia chơi 01 phần, với tên trong giấy hội là T. Hình thức chơi hội là đến ngày khai hội nếu hội viên nào bỏ thăm cao thì hốt được hội, nếu hội

viên nào hốt hui rồi thì mỗi tháng phải đóng hui chết là 3.000.000 đồng. Hui viên nào hốt được hui thì phải trả tiền hoa hồng cho bà là 1.500.000 đồng.

Vào ngày 20/12/2017, bà B có mua lại phần hui của bà với số tiền mua hui là 93.000.000 đồng, hai bên thỏa thuận mỗi kỳ khui hui, hui viên kêu hui bao nhiêu thì bà B phải đóng lại bấy nhiêu và đến khi mãn hui thì bà B phải trả cho bà số tiền mua hui là 93.000.000 đồng.

Tuy nhiên, hiện nay đã mãn hui mà bà B chỉ trả cho bà được số tiền 58.000.000 đồng, còn nợ lại bà số tiền là 35.000.000 đồng nhưng không trả.

Việc bà B vi phạm thỏa thuận trả tiền, thời gian qua đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà rất nhiều. Vì vậy, bà khởi kiện yêu cầu bà B phải trả ngay cho bà số tiền 35.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 17/01/2023, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà B trình bày: Bà thừa nhận còn nợ tiền hui của bà A số tiền 35.000.000 đồng, nhưng bà xin trả dần cho bà A mỗi tháng 1.000.000 đồng đến khi hết số nợ trên, vì hiện bà không có khả năng trả một lần.

Bà A không đồng ý cho trả dần theo yêu cầu của bà B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Đây là tranh chấp hợp đồng góp hui được quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Bà B có đơn xin vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà B theo quy định tại khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét bà A yêu cầu bà B trả số tiền hui 35.000.000 đồng, thấy rằng:

Bà B đã thừa nhận hiện còn nợ bà A tiền hui 35.000.000 đồng là phù hợp với yêu cầu khởi kiện của bà A nên theo khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tình tiết không phải chứng minh.

Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.

[4] Xét yêu cầu trả dần của bà B là nhằm kéo dài thời gian trả nợ, gây thiệt thòi quyền lợi cho bà A và không được bà A đồng ý nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[5] Về án phí: Bà B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 468 và Điều 471 của Bộ luật dân sự; Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà A.
2. Buộc bà B có nghĩa vụ trả ngay cho bà A số tiền hui 35.000.000 đồng (Ba mươi lăm triệu đồng).
3. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà A có đơn yêu cầu thi hành án nếu bà B chậm thi hành thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự, tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.
4. Về án phí: Bà B phải chịu 1.750.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.
5. Bà A có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, để yêu cầu xét xử phúc thẩm. Bà B có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang
- VKSND huyện Cai Lậy;
- Thi hành án dân sự huyện Cai Lậy;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Công Vĩnh Đức